



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1931** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **20** tháng **7** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (đã sửa đổi, bổ sung);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này một (01) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

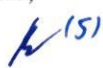
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính số thứ tự 14 ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính về việc công

bổ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục công nghệ thông tin và chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Văn phòng Bộ (để thực hiện theo dõi, đăng tải lên Cổng dịch vụ công Quốc gia);
- Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Thuế Tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CT (CS).  (15)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số ~~1931~~ QĐ-BTC ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Số quyết định đã công bố TTHC
1	1.008590	Gia hạn nộp thuế	Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026	Thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	Số thứ tự 14 ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính

Handwritten signature

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục gia hạn nộp thuế

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

+ Người nộp thuế (NNT) thuộc trường hợp được gia hạn nộp thuế chuẩn bị hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế đầy đủ theo đúng quy định và gửi tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu.

++ Theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (sau đây gọi là Văn bản đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ số thuế, tiền thuê đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Văn bản đề nghị gia hạn không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 02 tháng 11 năm 2026

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC) cấp tỉnh, xã hoặc qua dịch vụ bưu chính: công chức thuế tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả theo quy định.

Theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: cơ quan thuế không phải trả kết quả.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: Trường hợp người nộp thuế có các khoản được gia hạn thuộc nhiều địa bàn cơ quan thuế quản lý khác nhau thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm truyền thông tin Văn bản đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế quản lý có liên quan.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp: Tại TTPVHCC cấp tỉnh, xã;

168

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Trực tuyến: qua Cổng DVC Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia đối với các TTHC đã toàn trình và được tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính/ các Hệ thống thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Cục Thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ gồm:*

++ Trường hợp gia hạn nộp thuế theo quy định tại Điều 62 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14:

+++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

+++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế phải có thêm các tài liệu sau:

(*) Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ quy định tại điểm a khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế (đã sửa đổi, bổ sung), phải có:

- Tài liệu chứng thực về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

- Văn bản (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có);

- Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

(*) Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung), phải có:

102

- Văn bản xác định giá trị vật chất bị thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu;

- Tài liệu chứng thực về thời gian, địa điểm xảy ra bất khả kháng của cơ quan có thẩm quyền; tài liệu chứng minh người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Tài liệu chứng minh việc gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế và người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp bị thiệt hại do gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Các chứng từ (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế) liên quan đến việc bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(*) Trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Quản lý thuế (đã sửa đổi, bổ sung), phải có:

- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế);

- Đề án hoặc phương án di dời, trong đó thể hiện rõ kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của người nộp thuế).

++ Trường hợp gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ:

+++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

+++ Văn bản có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện hoặc cơ quan khác có chức năng tương tự) về việc người nộp thuế có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất, trong đó ghi rõ diện tích đất có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất.

K&S

+++ Các tài liệu liên quan khác (nếu có)

++ Theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế chưa đầy đủ theo quy định hoặc phát hiện có dấu hiệu sai phạm về giá trị vật chất bị thiệt hại trong hồ sơ do người nộp thuế tự xác định hoặc các sai sót khác, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế đầy đủ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải ban hành Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung)) đối với trường hợp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung)) đối với trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế.

+ Theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP:

++ Không phải trả kết quả (thông báo) cho người nộp thuế trong trường hợp được chấp nhận gia hạn.

++ Không quy định thời hạn giải quyết đối với trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc không gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

108

+ Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế (mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung)).

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế (mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã sửa đổi, bổ sung)).

+ *Trường hợp gia hạn theo theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế trong trường hợp chấp nhận gia hạn.*

Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc không gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

+ *Trường hợp gia hạn theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP: Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất ban hành kèm theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP.*

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội;

+ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ *Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026;*

16/1

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

+ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 9/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



Mau-01-GHAN-ND-
373.doc



PL Nghị định 245
2026 NĐ-CP.docx

KRS

Phụ lục II
(Kèm theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP
ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ
VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT

☐ Lần đầu ☐ Thay thế

Kính gửi: Cơ quan thuế.....

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

☐ a) Thuế giá trị gia tăng

☐ b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

☐ c) Thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

☐ d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

- Khu đất 1 theo Quyết định/Hợp đồng số....., ngày.../.../.....

- Khu đất 2 theo Quyết định/Hợp đồng số....., ngày.../.../.....

....

[08] Trường hợp được gia hạn:.....

I. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

☐ 1. Doanh nghiệp nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

☐ 2. Doanh nghiệp siêu nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

II. DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC:

☐ 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

☐ 2. Sản xuất, chế biến thực phẩm; ☐ 3. Dệt; ☐ 4. Sản xuất trang phục;

☐ 5. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; ☐ 6. Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; ☐ 7. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; ☐ 8. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; ☐ 9. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; ☐ 10. Sản xuất kim loại; ☐ 11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; ☐ 12. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học; ☐ 13. Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; ☐ 14. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

☐ 15. Xây dựng;

☐ 16. Vận tải, kho bãi; ☐ 17. Dịch vụ lưu trú và ăn uống; ☐ 18. Giáo dục và đào tạo; ☐ 19. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; ☐ 20. Hoạt động kinh doanh bất động sản; ☐ 21. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; ☐ 22. Hoạt động của các đại lý lữ hành, kinh doanh tua du lịch và hoạt động liên quan đến du lịch khác;

☐ 23. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; ☐ 24. Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; ☐ 25. Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí;

☐ 26. Hoạt động chiếu phim;

☐ 27. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

☐ 28. Sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm;

☐ 29. Hoạt động xuất bản; ☐ 30. Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;

☐ 31. Hoạt động xây dựng chương trình, phát sóng, thông tấn và phân phối nội dung khác

☐ 32. Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan;

☐ 33. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác;

☐ 34. Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);

- ☐ 35. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng;
- ☐ 36. Sản xuất đồ uống;
- ☐ 37. In, sao chép bản ghi các loại;
- ☐ 38. Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- ☐ 39. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất;
- ☐ 40. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);
- ☐ 41. Sản xuất mô tô, xe máy;
- ☐ 42. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- ☐ 43. Thoát nước và xử lý nước thải.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai; tôi cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế theo thời hạn nộp thuế được gia hạn.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày.....tháng...năm...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Mục I: NNT tự xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Mục II: NNT tự xác định theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025); Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất chỉ gửi 01 lần cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp cho cho toàn bộ số thuế, tiền thuế đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn. Phương thức nộp người nộp thuế lựa chọn như sau:

+ Người nộp thuế nộp theo phương thức điện tử gửi tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

+ Người nộp thuế nộp trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.